

HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp (HDGT) bằng ngôn ngữ, về các nhân tố giao tiếp (NTGT) (như nhân vật, hoàn cảnh, nội dung, mục đích, phương tiện, cách thức giao tiếp), về hai quá trình trong HDGT.

– Biết xác định các NTGT trong một HDGT, nâng cao năng lực giao tiếp khi nói, khi viết và năng lực phân tích, lĩnh hội khi giao tiếp.

– Có thái độ và hành vi phù hợp trong HDGT bằng ngôn ngữ.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Bài học đề cập đến một vấn đề về lí thuyết HDGT bằng ngôn ngữ. HDGT bằng ngôn ngữ là hoạt động gắn gũi, quen thuộc hàng ngày của mọi người và HS cũng thường xuyên tiến hành. Do đó GV có thể tiến hành bài học theo cách quy nạp : từ ngữ liệu thực tế đi đến những nhận định chung.

2. Trọng tâm bài học

Có ba vấn đề cần làm sáng tỏ :

a) Khái niệm *hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ*

Đây là hoạt động diễn ra thường xuyên của con người trong xã hội, ở mọi nơi, mọi lúc, có thể ở dạng ngôn ngữ nói hoặc ở dạng ngôn ngữ viết. Con người không thể sống mà không có sự giao tiếp. Chính giao tiếp làm cho con người nâng cao hiểu biết, tiếp nhận được tri thức, thống nhất được hành động. Giao tiếp có thể tiến hành bằng nhiều phương tiện : thô sơ như cử chỉ, điệu bộ, nét mặt ; hiện đại như các phương tiện kĩ thuật. Nhưng phương tiện phổ biến nhất, hiệu quả nhất, quan trọng nhất vẫn là ngôn ngữ. Con người giao tiếp nhằm các mục đích : nhận thức, hành động, biểu lộ tình cảm.

b) HDGT bằng ngôn ngữ có hai quá trình : tạo lập văn bản và tiếp nhận, lĩnh hội văn bản. Quá trình thứ nhất do người nói (người viết) thực hiện, quá trình thứ hai do người nghe (người đọc) thực hiện. Do đó, để có thể tham gia vào HDGT, mỗi người cần thành thạo tiến hành được cả bốn kĩ năng : nói, viết, nghe, đọc.

c) Các nhân tố giao tiếp

Đây là các nhân tố vừa tạo ra HDGT, vừa ảnh hưởng chi phối, chế định HDGT. Mỗi NTGT bao gồm nhiều phương diện cụ thể như :

- Nhân vật giao tiếp : Ai nói, ai viết, nói với ai, viết cho ai ?
- Hoàn cảnh giao tiếp : Nói, viết trong hoàn cảnh nào, ở đâu, khi nào ?
- Nội dung giao tiếp : Nói, viết cái gì, về cái gì ?
- Mục đích giao tiếp : Nói, viết để làm gì, nhằm mục đích gì ?
- Phương tiện và cách thức giao tiếp : Nói, viết như thế nào, bằng phương tiện gì ?

Các nội dung thuộc ba vấn đề trên đây cần được làm rõ thông qua các ví dụ, ngữ liệu cụ thể, đồng thời qua các bài tập trong phần *Luyện tập*.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên xuất phát từ thực tiễn giao tiếp hàng ngày mà hướng dẫn HS phân tích để rút ra nhận xét. Mục I của SGK đưa ra một văn bản về HDGT ở Hội nghị Diên Hồng trong lịch sử và một trường hợp giao tiếp thông qua bài học trong SGK, nhưng nếu cần, GV có thể lựa chọn và thay thế bằng ngữ liệu có tính cập nhật hoặc có tính phương ngữ sát hợp.

GV bắt đầu bằng việc hướng dẫn HS tiến hành thảo luận nhóm hay tổ. Từ việc trả lời của HS, GV hướng đến khái niệm HDGT và các NTGT, tức là ở đây nên sử dụng phương pháp quy nạp, vì HDGT là một thực tế quen thuộc đối với mọi HS.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Đối với văn bản thứ nhất :

- Yêu cầu HS đọc văn bản trích *Hội nghị Diên Hồng*, chú ý thể hiện thích hợp về ngữ điệu, giọng nói của các nhân vật, sự khác biệt giữa các loại câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật ; chú ý khí thế mạnh mẽ, hào hùng trong Hội nghị Diên Hồng.

- GV lần lượt nêu các câu hỏi và yêu cầu HS trả lời. Nội dung trả lời hướng đến việc hình thành các kiến thức nêu ở phần *Ghi nhớ*. Các câu trả lời lần lượt cho các câu hỏi như sau :

+ HDGT được văn bản ghi lại diễn ra giữa vua nhà Trần và các bô lão. Vua là người lãnh đạo tối cao của đất nước, các bô lão đời nhà Trần là đại diện cho các tầng lớp nhân dân. Các nhân vật giao tiếp ở đây có vị thế giao tiếp khác nhau, vì thế ngôn ngữ giao tiếp cũng có nét khác nhau : các từ xưng hô (*bệ hạ*), các từ thể hiện thái độ (*xin, thua*), các câu nói tinh lược chủ ngữ trong giao tiếp trực diện,...

+ Khi người nói (viết) tạo ra văn bản nhằm biểu đạt nội dung tư tưởng, tình cảm của mình, thì người nghe (đọc) tiến hành các hoạt động nghe (đọc) để giải mã rồi lĩnh hội nội dung đó. Người nói và người nghe có thể đổi vai cho nhau. Như vậy, HDGT có hai quá trình : tạo lập văn bản và lĩnh hội văn bản.

+ HDGT diễn ra trong hoàn cảnh đất nước đang bị giặc ngoại xâm đe dọa, quân và dân nhà Trần phải cùng nhau bàn bạc để tìm ra sách lược đối phó. Địa điểm cụ thể là điện Diên Hồng. Rộng hơn nữa, đây là hoàn cảnh đất nước ta ở thời đại phong kiến có vua trị vì với mọi luật lệ và phong tục thời kì phong kiến.

+ Nội dung giao tiếp : Thảo luận về tình hình đất nước đang bị giặc ngoại xâm đe dọa và bàn bạc về sách lược đối phó. Nhà vua nêu ra những nét cơ bản nhất về tình hình đất nước và hỏi ý kiến các bô lão về cách đối phó. Các bô lão thể hiện quyết tâm đánh giặc, đồng thanh nhất trí rằng *đánh* là sách lược duy nhất.

+ Mục đích giao tiếp : Bàn bạc để tìm ra và thống nhất sách lược đối phó với quân giặc. Cuộc giao tiếp đã đi đến sự thống nhất hành động, nghĩa là đã đạt được mục đích.

b) Đối với văn bản thứ hai (bài *Tổng quan văn học Việt Nam*), GV cho HS phân tích và rút ra kết luận :

– Nhân vật giao tiếp ở đây là tác giả SGK (người viết) và HS lớp 10 (người đọc). Người viết ở lứa tuổi cao hơn, có vốn sống, có trình độ hiểu biết (nhất là hiểu biết về văn học) cao hơn, có nghề nghiệp là nghiên cứu và giảng dạy văn học. Còn người đọc là HS lớp 10, trẻ tuổi hơn, có vốn sống và trình độ hiểu biết thấp hơn.

– HDGT thông qua văn bản đó được tiến hành trong hoàn cảnh của nền giáo dục quốc dân, trong nhà trường (hoàn cảnh có tính quy thức).

– Nội dung giao tiếp thuộc lĩnh vực văn học, về đề tài *Tổng quan văn học Việt Nam*.

Nội dung giao tiếp bao gồm những vấn đề cơ bản (đã được nêu thành hệ thống đề mục trong văn bản) là :

+ *Các bộ phận hợp thành của văn học Việt Nam ;*

+ *Quá trình phát triển của văn học viết Việt Nam ;*

+ *Con người Việt Nam qua văn học.*

– Mục đích giao tiếp thông qua văn bản :

+ Xét từ phía người viết : Trình bày một cách tổng quan một số vấn đề cơ bản về văn học Việt Nam cho HS lớp 10.

+ Xét từ phía người đọc : Thông qua việc đọc và học văn bản đó mà tiếp nhận và lĩnh hội những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam trong tiến trình lịch sử, đồng thời có thể rèn luyện và nâng cao các kĩ năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng văn học, kĩ năng xây dựng và tạo lập văn bản.

– Phương tiện và cách thức giao tiếp :

+ Dùng một số lượng lớn các thuật ngữ văn học ;

+ Các câu văn mang đặc điểm của văn bản khoa học : cấu tạo phức tạp, nhiều thành phần, nhiều vế nhưng mạch lạc, chặt chẽ.

+ Kết cấu của văn bản mạch lạc, rõ ràng : có hệ thống đề mục lớn, nhỏ ; có hệ thống luận điểm, dùng các chữ số hoặc chữ cái để đánh dấu các đề mục,...

c) GV tổng kết các câu trả lời của HS và chốt lại bằng những điều cần ghi nhớ. Khi tổng kết phần trả lời của HS cho các câu hỏi ở trên, GV nên cụ thể hoá và mở rộng khái niệm HDGT bằng ngôn ngữ và các NTGT về một số phương diện sau :

– HDGT bằng ngôn ngữ có thể diễn ra ở dạng nói, hoặc ở dạng viết (nói chuyện hàng ngày, gọi điện thoại, hội họp, giảng dạy, thảo luận, viết và đọc thư từ, sách báo, hoặc giao tiếp qua các văn bản hành chính, các phương tiện thông tin đại chúng,...). Phần bài tập ở tiết thứ hai sẽ góp phần mở rộng khái niệm HDGT bằng ngôn ngữ. Nói chung, khi con người nói với ai, hay viết cho ai về một điều gì đó là đã tiến hành HDGT bằng ngôn ngữ.

– Các NTGT cũng có những biểu hiện cụ thể, đa dạng. Chẳng hạn, mục đích giao tiếp có thể là : trao đổi tin tức, bàn bạc công việc, biểu lộ tình cảm, tranh luận ý kiến, thiết lập quan hệ, hứa hẹn, điều khiển công việc, xin lỗi, cảm ơn,...

GV gọi hai HS đọc to và rõ phần *Ghi nhớ* trong bài học.

d) **Củng cố** : GV có thể nêu câu hỏi hoặc ra bài tập và yêu cầu HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện bài tập để củng cố các nội dung đã học.

Bài tập : Phân tích các NTGT trong HDGT mua bán giữa người mua và người bán ở chợ.

Yêu cầu phân tích được các NTGT như sau :

– Nhân vật giao tiếp : người mua và người bán.

– Hoàn cảnh giao tiếp : ở chợ, lúc chợ đang họp.

– Nội dung giao tiếp : trao đổi, thoả thuận về mặt hàng, chủng loại, số lượng, giá cả,...

– Mục đích giao tiếp : người mua mua được hàng, người bán bán được hàng.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Phần này chỉ tiến hành thông qua các bài tập. Vì vậy GV lần lượt cho HS tự làm các bài tập, sau đó HS trình bày lời giải của mình. Mỗi bài tập GV có thể

gọi một HS trình bày lời giải ; các HS khác phát biểu bổ sung, điều chỉnh hay sửa chữa. Sau mỗi bài tập, GV sửa chữa theo các gợi ý ở mục *Gợi ý giải bài tập*.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Bài tập này thiên về hình thức giao tiếp mang màu sắc văn chương. Sáng tác và thưởng thức văn chương cũng là một dạng HDGT. Phân tích các NTGT thể hiện trong câu ca dao như sau :

a) Nhân vật giao tiếp : những người nam và nữ trẻ tuổi, điều đó thể hiện qua các từ *anh* và *nàng*.

b) Hoàn cảnh giao tiếp : vào một đêm trăng thanh (đêm trăng sáng và thanh vắng) – thời gian thích hợp cho những câu chuyện tâm tình của nam nữ trẻ tuổi : bộc bạch tình cảm yêu đương.

c) Nhân vật “anh” nói về sự việc “tre non đủ lá” và đặt ra vấn đề “nên chăng” tính đến chuyện “đạn sàng”. Tuy nhiên, đặt câu chuyện trong hoàn cảnh một “đêm trăng thanh” và các nhân vật giao tiếp là một đôi nam nữ trẻ tuổi, thì nội dung và mục đích câu chuyện không phải là “đạn sàng”. Lời của nhân vật “anh” có một hàm ý : cũng như tre, họ đã đến tuổi trưởng thành, nên tính đến chuyện kết duyên.

d) Cách nói của chàng trai (mượn hình ảnh “tre non đủ lá” và mượn chuyện “đạn sàng”) rất phù hợp với nội dung và mục đích của cuộc giao tiếp. Cách nói đó mang màu sắc văn chương, thuộc về phong cách văn chương, vừa có hình ảnh, vừa đậm sắc thái tình cảm, nên dễ đi vào tình cảm con người.

Bài tập 2

Cuộc giao tiếp được ghi lại trong đoạn trích mang tính chất giao tiếp đời thường, diễn ra trong cuộc sống hằng ngày.

a) Trong cuộc giao tiếp, các nhân vật giao tiếp (A Cổ và người ông) đã thực hiện các hành động nói cụ thể là : chào (*Cháu chào ông ạ !*), chào đáp (*A Cổ hả ?*), khen (*Lón tướng rồi nhỉ ?*), hỏi (*Bố cháu có gửi pin dài lên cho ông không ?*), đáp lời (*Thưa ông, có ạ !*).

b) Trong lời của ông già, cả ba câu đều có hình thức của câu hỏi, nhưng không phải cả ba câu đều nhằm mục đích hỏi. Chỉ có câu thứ ba (*Bố cháu có gửi pin dài lên cho ông không ?*) là nhằm mục đích hỏi thực sự, do đó A Cổ trả lời đúng vào câu hỏi này (*Thưa ông, có ạ !*) ; còn câu đầu tiên là lời chào đáp (*A Cổ hả ?*) ; câu thứ hai là để khen (*Lón tướng rồi nhỉ ?*), do đó A Cổ không trả lời hai câu này.

c) Lời nói của hai ông cháu đã bộc lộ rõ tình cảm, thái độ và quan hệ của hai người đối với nhau. Các từ xưng hô (*ông, cháu*), các từ tình thái (*thưa, ạ* – trong lời

A Cổ và *hả, nhĩ* – trong lời ông già) đã bộc lộ thái độ kính mến của A Cổ đối với người ông và thái độ yêu quý, triu mến của ông đối với cháu.

Bài tập 3

Bài thơ *Bánh trôi nước* thực hiện HDGT giữa Hồ Xuân Hương và người đọc.

a) Thông qua hình tượng “bánh trôi nước”, tác giả muốn bộc bạch với mọi người về vẻ đẹp, về thân phận chìm nổi của người phụ nữ nói chung và của tác giả nói riêng, đồng thời khẳng định phẩm chất trong sáng của người phụ nữ và của bản thân mình.

b) Người đọc căn cứ vào các phương tiện ngôn ngữ như các từ *trắng, tròn* (nói về vẻ đẹp), thành ngữ *bảy nổi ba chìm* (nói về sự chìm nổi), *tấm lòng son* (nói về phẩm chất cao đẹp bên trong) đồng thời liên hệ với cuộc đời tác giả – một người phụ nữ tài hoa nhưng lận đận về đường tình duyên – để hiểu và cảm nhận bài thơ.

Bài tập 4

Bài tập này nhằm rèn luyện năng lực giao tiếp dưới dạng viết, hơn nữa là viết một văn bản thông báo. GV nên lưu ý HS các yêu cầu sau :

– Dạng văn bản : thông báo ngắn, do đó cần viết đúng các thể thức như mở đầu, kết thúc,...

– Hướng tới đối tượng giao tiếp là các bạn HS toàn trường.

– Nội dung giao tiếp là hoạt động làm sạch môi trường.

– Hoàn cảnh giao tiếp : trong nhà trường và nhân Ngày Môi trường thế giới.

Có thể tham khảo văn bản sau đây :

THÔNG BÁO

Nhân Ngày Môi trường thế giới, Nhà trường tổ chức buổi tổng vệ sinh toàn trường để làm cho trường ta xanh, sạch, đẹp hơn nữa.

– Thời gian làm việc : từ 8 giờ sáng chủ nhật ngày... tháng... năm...

– Nội dung công việc : thu dọn rác, khai thông cống rãnh, phát quang cỏ dại, trồng thêm cây xanh và vun gốc các hàng cây,...

– Lực lượng tham gia : toàn thể học sinh trong trường.

– Dụng cụ : Mỗi học sinh khi đi cần mang theo một dụng cụ, như : cuốc, xẻng, chổi, dao to, rổ,...

– Kế hoạch cụ thể : Các lớp nhận tại Văn phòng của trường.

Nhà trường kêu gọi toàn thể học sinh trong trường hãy nhiệt liệt hưởng ứng và tích cực tham gia buổi tổng vệ sinh này.

Ngày... tháng... năm...

BAN GIÁM HIỆU TRƯỜNG THPT TÔ HIỆU

Bài tập 5

GV lưu ý HS phân tích các NTGT sau :

a) *Nhân vật giao tiếp* : Bác Hồ, với tư cách là Chủ tịch nước, viết thư cho HS toàn quốc – thế hệ chủ nhân tương lai của nước Việt Nam độc lập.

b) *Tình huống (hoàn cảnh giao tiếp)* : Đất nước vừa giành được độc lập, HS "bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam". Do đó trong thư có khẳng định quyền lợi và cả nhiệm vụ của HS.

c) *Nội dung* : Thư nói tới niềm vui sướng vì HS được hưởng nền độc lập của đất nước, tới nhiệm vụ và trách nhiệm của HS đối với đất nước. Cuối thư là lời chúc của Bác đối với HS.

d) *Mục đích* : Bác viết thư để chúc mừng HS nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để xác định nhiệm vụ nặng nề nhưng vẻ vang của HS.

e) Thư Bác viết với lời lẽ vừa chân tình, gần gũi, vừa nghiêm túc, trang trọng khi xác định trách nhiệm của HS.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Minh Toán, *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
2. Diệp Quang Ban, *Giao tiếp – văn bản – mạch lạc – liên kết – đoạn văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.
3. Đỗ Hữu Châu – Đinh Trọng Lạc – Đặng Đức Siêu, *Tiếng Việt 10*, Ban Khoa học xã hội, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994.
4. Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.